

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Trung ương được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giồng cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã lần lượt được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 thay đổi lần 2 ngày 25/09/2006, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2006, thay đổi lần 4 ngày 02/11/2007, thay đổi lần 5 ngày 21/04/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/09/2009, thay đổi lần 7 ngày 11/11/2010 và thay đổi lần 8 ngày 23/09/2011.

Ngày 23/09/2011, công ty hoàn tất việc đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8, có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp mới số 0101449271. Theo đó:

- Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Trồng trọt; Kinh doanh giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; Xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng; Gia công, chế biến, đóng gói, bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; Kinh doanh bất động sản.
- Vốn điều lệ của Công ty là 82.561.610.000 VND được chia thành 8.256.161 cổ phần, trong đó các cổ đông sáng lập nắm giữ 3.715.723 cổ phần. Cụ thể như sau:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC) - Đại diện là Bà Trần Kim Liên	921.180
2	Ông Trần Đình Long	16.680
3	Ông Phạm Ngọc Lý	43.184
4	Ông Đỗ Tiến Sỹ	51.897
5	Ông Đỗ Bá Vọng	43.345
6	145 cổ đông còn lại	2.701.614

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Ngoài ra, Công ty còn có các đơn vị trực thuộc, Công ty con và Công ty liên kết như sau:

1. Đơn vị trực thuộc :

- Các Chi nhánh:
 - + Chi nhánh Miền Trung
 - + Chi nhánh Thái Bình
 - + Chi nhánh Miền Trung và Tây Nguyên
- Các Xí nghiệp:
 - + Xí nghiệp Định Tường
 - + Xí nghiệp Đồng Văn
 - + Xí nghiệp Ba Vì
- Đơn vị trực thuộc khác:
 - + Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay
 - + Trại thực nghiệm Khoái Châu
 - + Nhà máy chế biến Thường Tín

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

+ Văn phòng đại diện tại Tây Ninh

2. Công ty con: Công ty cổ phần Giống cây trồng Hà Tây
3. Công ty liên kết : Công ty cổ phần Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam

Đến ngày 30 tháng 09 năm 2011, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 318 người, trong đó số nhân viên quản lý là 41 người.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

3. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo Tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương và báo cáo tài chính của Công ty con – Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây được lập cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/09/2011. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty con.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty và Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trong Báo cáo Tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.5. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được xử lý như sau:

- Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào chi phí hoặc thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ không liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp, nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính, nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá tính vào thu nhập khác.
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh khi xác định thu nhập chịu thuế.
- Trường hợp chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ tính vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để doanh nghiệp không bị lỗ nhưng phải đảm bảo phần chênh lệch tỷ giá tính vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ đến hạn phải trả trong năm đó.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá nêu trên không bao gồm chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ; chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản để hình thành TSCĐ mà TSCĐ này chưa đưa vào sản xuất kinh doanh (không phân biệt doanh nghiệp chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh hay đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh).

4.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hoá được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá vốn nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
Tài sản cố định hữu hình	
Máy móc, trang thiết bị	5 – 7
Thiết bị văn phòng	5 – 6
Phương tiện vận tải	6-10
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
Tài sản cố định vô hình	
Bản quyền, bằng sáng chế	5
Phần mềm máy tính	5

4.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư khác của Công ty được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập dựa trên giá trị bị tổn thất do các loại chứng khoán đầu tư của Công ty có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán của khoản đầu tư vào ngày kết thúc năm kế toán. Các khoản tăng, giảm số dư dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục chi phí tài chính và doanh thu tài chính trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

4.9. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

4.10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm 2011 nhưng chưa thực chi cho tới thời điểm kết thúc năm tài chính như chi phí công tác phí, điện thoại, quảng cáo. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12. Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101449271 thay đổi lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23 tháng 09 năm 2011, và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy chứng nhận kinh doanh (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Các cổ đông	82.561.610.000	82.561.610.000	100%

4.13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán, đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện. Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

4.14. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó, chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

4.15. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ chế biến nông sản, thuế suất thuế GTGT: 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty mẹ là doanh nghiệp hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, trong năm 2011 công ty có một số mặt hàng nằm trong diện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty con và các khoản thu nhập khác của công ty mẹ áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 25%.

Các loại thuế, phí, lệ phí khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.16. Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	1,674,231,848	1.597.749.897
Tiền gửi ngân hàng	18,330,997,927	15.439.958.966
Các khoản tương đương tiền	40,401,088,888	-
Cộng	60,406,318,663	17.037.708.863

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

5.2. Các khoản phải thu khác

	30/09/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Các khoản phải thu khác	<u>1,989,553,264</u>	<u>1.693.885.985</u>

5.3. Hàng tồn kho

	30/09/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	13,238,921,209	9.492.951.207
Công cụ, dụng cụ	5,759,200	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	313,276,337	1.640.403.993
Thành phẩm	85,789,711,832	44.798.063.497
Hàng hoá	<u>1,774,005,986</u>	<u>41.747.414.653</u>
Cộng	<u>101,121,674,564</u>	<u>97.678.833.350</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(496,973,340)</u>	<u>(676,591,000)</u>
Giá trị thuần của hàng tồn kho	<u>100,624,701,224</u>	<u>97,002,242,350</u>

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/09/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Chi phí trả trước ngắn hạn	79.980.612	847.704.739
<i>+ Chi phí chờ phân bổ</i>	<u>79.980.612</u>	<u>847.704.739</u>
Cộng	<u>79.980.612</u>	<u>847.704.739</u>

5.5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/09/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Thuế GTGT được khấu trừ	126,241,552	178,506,666
Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	<u>106,464,442</u>	<u>106,464,442</u>
Cộng	<u>232,705,994</u>	<u>284,971,108</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

5.6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
I. Nguyên giá						
1. Số đầu năm	33,188,987,651	17,417,628,385	7,489,635,303	461,272,100		58,557,523,439
2. Tăng trong năm	5,040,889,467	3,147,078,300	701,181,000	192,626,000	170,315,000	9,081,774,767
-Mua trong năm		2,804,260,300	52,183,000	157,790,000		3,014,233,300
-Đầu tư XDCB hoàn thành	517,626,178					517,626,178
-Tăng khác(Nguyên giá TSCĐ của công ty con)	4,523,263,289	342,818,000	648,998,000	34,836,000	170,315,000	5,549,915,289
3. Giảm trong năm	-	20,821,001	-	-	-	20,821,001
-Thanh lý, nhượng bán						0
-Giảm khác		20,821,001				20,821,001
4. Số cuối năm	38,229,877,118	20,543,885,684	8,190,816,303	653,898,100	170,315,000	67,788,792,205
II. Giá trị hao mòn						0
1. Số đầu năm	6,892,012,460	4,352,965,136	2,162,114,371	330,153,405		13,737,245,372
2. Tăng trong năm	5,798,575,423	2,079,070,385	955,767,817	101,401,780	139,720,213	8,934,815,405
-Khấu hao trong năm	1,502,853,567	1,917,954,547	575,586,929	66,565,780	8,672,256	4,062,960,823
-Tăng khác(Hao mòn lũy kế của công ty con đến 31.12.2010)	4,295,721,856	161,115,838	380,180,888	34,836,000	131,047,957	4,871,854,582
3. Giảm trong năm	20	0	0	0	0	20
-Thanh lý, nhượng bán						0
-Giảm khác	20					
4. Số cuối kỳ	12,690,587,863	6,432,035,521	3,117,882,188	431,555,185	139,720,213	22,811,780,970
III. Giá trị còn lại						0
1. Tại ngày đầu năm	26,296,975,191	13,064,663,249	5,327,520,932	131,118,695	0	44,820,278,067
2. Tại ngày cuối năm	25,539,289,255	14,111,850,163	5,072,934,115	222,342,915	30,594,787	44,977,011,235

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

5.7. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng phát minh	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
A. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	2,395,787,000	1,500,000,000	71,000,000	0	3,966,787,000
2.Tăng trong năm					0
-Mua trong năm					0
-Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					0
-Tăng do hợp nhất kinh doanh					0
-Tăng khác					0
3.Giảm trong năm					0
-Thanh lý, nhượng bán				0	0
-Giảm khác				0	0
4. Số dư cuối kỳ	2,395,787,000	1,500,000,000	71,000,000	-	3,966,787,000
B. Giá trị hao mòn				0	0
1. Số đầu năm		896,050,000	45,124,444	0	941,174,444
2.Tăng trong năm	10,000,000	225,000,000	10,650,000	-	245,650,000
-Khấu hao trong năm	10,000,000	225,000,000	10,650,000		245,650,000
-Tăng khác				0	0
3. Giảm trong năm	0	0	0	0	0
-Thanh lý, nhượng bán					0
-Giảm khác					0
4. Số dư cuối kỳ	10,000,000	1,121,050,000	55,774,444	-	1,186,824,444
C. Giá trị còn lại				0	0
1.Tại ngày đầu năm		603,950,000	25,875,556	0	3,025,612,556
2.Tại ngày cuối kỳ		378,950,000	15,225,556	0	2,779,962,556

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Tổng số chi phí XD CB dở dang:	3,543,179,891	3.642.496.891
Trong đó, các công trình lớn:		
<i>Dự án xây dựng nhà cao tầng</i>	<i>1,094,051,964</i>	<i>1.094.051.964</i>
<i>Dự án xây dựng ở Đồng Văn</i>	<i>2,390,663,927</i>	<i>2.390.663.927</i>
<i>Dự án xây nhà kho Thái Bình</i>	-	<i>99.317.000</i>
<i>Chi phí XD CB dở dang khác</i>	<i>58,464,000</i>	<i>58.464.000</i>

5.9. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/09/2011		01/01/2011	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây			27.729	27,729,000,000
Công ty CP Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam, trong đó :	96.520	1,632,729,854	96.520	1,817,638,000
<i>Giá trị đầu tư vào Công ty liên kết</i>		<i>1,817,638,000</i>		
<i>Chênh lệch giá trị khoản đầu tư và tài sản thuần tại ngày 01/01/2011</i>		<i>(328,023,982)</i>		
<i>Lợi nhuận từ kết quả SXKD của công ty liên kết</i>		<i>143,115,836</i>		
Cộng		1,632,729,854		29,546,638,000

5.10. Đầu tư dài hạn khác

	30/09/2011		01/01/2011	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị
Công ty Cổ phần Càng Rau quả	133,333	3,944,000,000	133,333	3,944,000,000
<i>Dự phòng giảm giá khoản đầu tư</i>		<i>(2,224,004,300)</i>	-	<i>(1,584,005,900)</i>
Giá trị thuần của khoản đầu tư		1,719,995,700		2,359,994,100

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

5.10. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>30/09/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	159.313.794	620.126.722
Cộng	<u>159.313.794</u>	<u>620.126.722</u>

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>30/09/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Thuế giá trị gia tăng	37,031,857	4.107.996
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,479,595,282	5.992.659.713
Thuế thu nhập cá nhân	336,542,416	480.206.206
Cộng	<u>1,853,169,555</u>	<u>6.476.973,915</u>

5.12. Chi phí phải trả

	<u>30/09/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Chi phí phải trả	24.200.000	188.147.569
Cộng	<u>24.200.000</u>	<u>188.147.569</u>

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>30/09/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Phải trả mua giống gốc	1,270,720,275	1,310,720,275
Phải trả tiền bán cổ phần nhà nước		878,500,000
Các khoản phải trả phải nộp khác	1,680,615,093	1,190,739,134
Cộng	<u>2,951,335,368</u>	<u>3,379,959,409</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

5.14. Vay dài hạn

	<u>30/09/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Vay ngân hàng Phát triển Việt Nam (i)	467.411.000	560.892.000
Cộng	<u>467.411.000</u>	<u>560.892.000</u>

- (i) Đây là khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I bao gồm 01(một) hợp đồng có hạn mức tín dụng là 3.100.000.000 VND với lãi suất 5,4%/năm và có thời hạn 8 năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

5.15. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>30/09/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	34.702.350	
Cộng	<u>34.702.350</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

5.18. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu (Quỹ ĐT phát triển và Quỹ DPTC)	Cổ phiếu quỹ (*)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận	Cộng
A	1	2	3			5	6
Số dư đầu năm trước	80,141,610,000	54,774,342,850	5,803,130,873	0	3,529,046	28,738,577,715	169,461,190,484
- Tăng trong năm trước	1,200,000,000	23,250,000	15,671,138,234				16,894,388,234
- Lãi trong năm trước						43,213,372,125	43,213,372,125
- Tăng khác					4,635,699,069		4,635,699,069
- Giảm vốn trong năm trước							0
- Lỗ trong năm trước							0
- Giảm khác						28,738,577,715	28,738,577,715
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	81,341,610,000	54,797,592,850	21,474,269,107	0	4,639,228,115	43,213,372,125	205,466,072,197
- Tăng trong năm nay	1,220,000,000		13,414,145,102		28,959,657		14,663,104,759
- Lãi trong năm nay						50,761,552,810	50,761,552,810
- Tăng khác					-	0	0
- Giảm vốn trong năm nay						0	0
- Lỗ trong năm nay						0	0
- Giảm khác			(6,500,000)		(4,668,187,772)	(51,542,377,125)	(56,217,064,897)
Số dư cuối năm	82,561,610,000	54,797,592,850	34,881,914,209	0	0	42,432,547,810	214,673,664,869

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

	<u>30/09/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Vốn góp của Nhà nước	9,211,800,000	9.211.800.000
Vốn góp của đối tượng khác	<u>73,349,810,000</u>	<u>72.129.810.000</u>
Cộng	<u>82,561,610,000</u>	<u>81.341.610.000</u>
Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 Cổ phiếu		

Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>30/09/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	28.989.455.885	17.636.370.157
Quỹ dự phòng tài chính	<u>5.892.458.324</u>	<u>3.837.898.950</u>
Cộng	<u>34.881.914.209</u>	<u>21.474.269.107</u>

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất, dự phòng rủi ro tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>359,539,428,719</u>	<u>247,135,091,505</u>
Doanh thu bán hàng	358,707,118,174	246,721,940,451
Doanh thu cung cấp dịch vụ	832,310,545	413,151,054

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	<u>24,176,612,750</u>	<u>- 12,075,282,042</u>
Giảm giá hàng bán	236,595,100	843,071,392
Hàng bán bị trả lại	23,940,017,650	11,232,210,650

6.3. Doanh thu thuần

	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010 (VND)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>335,362,815,969</u>	<u>235,059,809,463</u>
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	334,530,505,424	234,646,658,409
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	832,310,545	413,151,054

6.4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010 (VND)
Giá vốn hàng hoá đã bán	218,549,199,434	152,332,115,860
Giá vốn dịch vụ cung cấp	-	-
Cộng	<u>218,549,199,434</u>	<u>152,332,115,860</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

6.5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3,431,973,731	1,659,961,651
Cổ tức, lợi nhuận được chia	266,666,000	
Lãi chênh lệch tỷ giá	298,462,685	336,706,450
Cộng	3,997,102,416	1,996,668,101

6.6. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010 (VND)
Lãi tiền vay	26,922,473	25,728,753
Lỗ chênh lệch tỷ giá	130,332,010	434,310,092
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	639,998,400	530,000,000
Chi phí hoạt động tài chính khác		85,457,805
Cộng	797,252,883	1,075,496,650

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1,484,629,406	10,979,087,964
Cộng	1,484,629,406	10,979,087,964

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2011

7. THÔNG TIN SO SÁNH

Năm 2011 là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo Tài chính Hợp nhất nên không có số liệu so sánh.

Số liệu so sánh đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu Báo cáo riêng của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, số liệu trên Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo riêng của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương cho năm tài chính 2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH BDO Việt Nam tại Hà Nội.

Ngày 02 tháng 11 năm 2011

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN THẾ TÝ

